TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 02 năm 2018
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thành Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Anh Tuấn
2. Bà Đặng Thị Liễu

Thư ký phiên tòa: Bà Lại Phương Thúy – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Thúy Nga – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 249/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2018/QĐST - HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị NTH, sinh năm 1985, có mặt.

Nơi cư trú: TDP X, thị trấn H, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc

2. *Bị đơn:* Anh TA, sinh năm 1986, vắng mặt.

Nơi cư trú: TDP X, thị trấn H, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 17 tháng 11 năm 2017 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị NTH trình bày:

Chị và anh LA kết hôn với nhau ngày 24 tháng 8 năm 2011, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND thị trấn H, huyện N. Tổ chức kết hôn xong chị về làm dâu và chung

sống cùng gia đình anh A tại thị trấn H. Quá trình chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh A mải chơi không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến vợ con, thường xuyên bỏ nhà đi không nói lý do, chị khuyên nhủ nhưng anh A không những không nghe mà còn nhiều lần chửi bới đánh đập chị. Tháng 9 năm 2015 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị xác định tình cảm với anh A không còn, chị xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là LHL, sinh ngày 08/05/2012 và LHL, sinh ngày 19/03/2014, hiện nay cả hai cháu đang ở với chị. Ly hôn chị xin nuôi cả hai cháu và tự nguyện không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Lý do chị xin nuôi cả hai con chung là do từ khi sinh các con đến nay, anh LA đã không quan tâm, nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu, tất cả mọi tình thương trách nhiệm đều do một mình chị thực hiện.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh LA quá trình giải quyết vụ án luôn vắng mặt, không có mặt để trình bày quan điểm và tham gia hòa giải tại Tòa án. Qua xác minh tại địa phương và gia đình anh A thì hiện nay anh A đi làm ăn vắng nhà nhưng vẫn thường xuyên về nhà tại Tổ dân phố X, thị trấn HS. Việc Tòa án giải quyết ly hôn có gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo hòa giải, thông báo giải quyết vụ án.…cho anh A và niêm yết đầy đủ các giấy tờ tại nơi cư trú của anh A. Gia đình anh A nhận được các loại giấy tờ của Tòa án, anh A biết việc giải quyết ly hôn nhưng anh A cố tình không đến, mục đích là gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Tòa án nhân dân huyện N đã tống đạt, niêm yết các giấy tờ, văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh A.

Về án phí: Đương sự đề nghị giải quyết theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn là chị H đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn là anh A chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị giải quyết cho chị H và anh A được ly hôn; về con chung: giao cho chị H nuôi cả 02 con chung, anh A không phải đóng góp nuôi con chung cùng; Các vấn đề về tài sản, công nợ, công sức các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị NTH và anh LA là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng kết hôn và đã có thời gian chung sống cùng nhau nhưng không hòa thuận hạnh phúc. Chị H xác định vợ chồng luôn bất hòa mâu thuẫn với nhau kéo dài tự năm 2014 đến nay, anh A là người không chịu làm ăn, không quan tâm đến vợ con, thường xuyên bỏ nhà đi, chị khuyên bảo thì anh A không những không nghe mà còn thường xuyên chửi bới, đánh đập chị. Tháng 09 năm 2015 chị đã đem theo con bỏ về nhà bố mẹ đẻ và vợ chồng cắt đứt mọi liên lạc từ đó đến nay.

Qua xác minh tại địa phương thị trấn H, làm việc với bố đẻ anh A là ông LQL thì: Vợ chồng anh A chị H mâu thuẫn với nhau trầm trọng, thường xuyên đánh cãi chửi nhau, hiện nay đã sống ly thân (từ năm 2015). Ông L còn xác định việc Tòa án báo gọi đến giải quyết việc ly hôn, ông là người nhận các loại văn bản, giấy tờ và thông báo lại cho anh A nhưng anh A không đến Tòa án làm việc. Điều đó thể hiện việc anh Anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình, có ý vắng mặt để gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Xét mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, các bên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, có hành vi bạo lực gia đình, và làm cho cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Cần giải quyết cho chị H được ly hôn với anh A để giải phóng cho các bên đương sự.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là LHL, sinh ngày 08/05/2012 và LHL, sinh ngày 19/03/2014, hiện nay cả hai cháu đang ở với chị H. Quá trình giải quyết vụ án, anh LA luôn vắng mặt tại phiên tòa, không có cơ sở để xem xét việc giao con cho anh nuôi. Ly hôn cần giao cho chị H nuôi cả hai cháu và cũng chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

3. Về phân chia tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị NTH và anh LA.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là LHL, sinh ngày 08/05/2012 và LHL, sinh ngày 19/03/2014. Anh LA

không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị H, sau khi ly hôn, anh LA có quyền thăm nom con chung theo quy định, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

4. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị NTH phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: 0001339 ngày 20/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- *VKSND huyện N.*
- *THADS huyện N.*
- *UBND T.T H*
- *Các đương sự*
- *Lưu VP, Hồ sơ.*

Đỗ Thành Công